TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 605/2023/LĐ-PT
Ngày: 25-5-2023
V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, tiền thưởng và tiền phép năm.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán: Bà Doãn Thị Kim Thúy

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT-LĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tranh chấp về bảo hiểm xã hội, tiền thưởng và tiền phép năm".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 4415/2022/LĐ-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1823/2023/QĐ – PT ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Ngọc A**, sinh năm 1974

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số B, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số công chứng 000239 lập ngày 06/01/2022 tại VPCC L).

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH Đ**

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường Đ, Tổ B, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Xuân K** – Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Trần Thị Thu T1** – Nhân viên Công ty.

Địa chỉ liên hệ: Số A, đường Đ, Tổ B, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo Giấy ủy quyền số 0105/UQ-ĐHM ngày 15/5/2023 của Giám đốc Công ty TNHH Đ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Mai Công M**, Luật sư thuộc Công ty L, Đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Số B, đường T, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông **Trần Ngọc A**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện nộp ngày 06/01/2022, nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/11/2014, nguyên đơn ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ (từ đây gọi tắt là "Công ty") và vào làm tại bộ phận lắp ráp với mức lương cơ bản là 4.964.000đồng, lương chính thức là 6.200.000đồng. Công ty không giao Hợp đồng lao động cho nguyên đơn. Trong quá trình làm việc, nguyên đơn luôn hoàn thành công việc. Đến ngày 02/02/2021, ông Nguyễn Văn N là quản lý trực tiếp yêu cầu nguyên đơn làm đơn xin thôi việc. Nguyên đơn có yêu cầu Công ty nêu lý do cho nghỉ việc nhưng phía Công ty không trả lời. Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc Công ty phải đóng và chốt số bảo hiểm xã hội từ ngày 15/11/2014 cho đến ngày chấm dứt hợp đồng lao động, giao trả cho nguyên đơn sổ bảo hiểm xã hội; buộc Công ty phải bồi thường thiệt hại khi cho nguyên đơn nghỉ việc và thanh toán tiền lương đến ngày khởi kiện tạm tính là 52.000.000đồng; tiền lương các ngày phép năm mà nguyên đơn không nghỉ tính từ khi ký kết hợp đồng đến khi chấm dứt hợp đồng là 62.000.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có Đơn bổ sung ngày 09/02/2022; Đơn bổ sung ngày 11/02/2022, ngày 20/7/2022; Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/5/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Yêu cầu Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho cho nguyên đơn các khoản sau do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

- Tiền lương kể từ ngày 02/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án và 05 tháng tiền lương do nguyên đơn không đồng ý quay trở lại làm việc là 29 tháng với mức lương 8.400.000đồng/tháng là 243.600.000đồng,

- Tiền phép do chưa nghỉ phép năm kể từ ngày 14/11/2014 đến ngày xét xử xong vụ án trong đó mỗi ngày phép năm chưa nghỉ phải trả gấp 03 lần mức lương cơ bản 5.700.000đồng/tháng là 72.000.000đồng,

- Tiền các ngày nghỉ lễ Tết tính từ ngày 14/11/2014 đến đến ngày xét xử xong vụ án trong đó mỗi ngày phép năm chưa nghỉ phải trả gấp 4 lần với mức lương cơ bản 5.700.000đồng/tháng là 82.000.000đồng,

- Tiền nhà trọ Nhà nước hỗ trợ người lao động do dịch bệnh COVID - 19 từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022 là 500.000đồng/tháng,

- Tiền thưởng tết năm 2021 là 6.700.000đồng và năm 2022 là 6.700.000đồng căn cứ vào mức thưởng tháng 13 năm 2021,

- Bồi thường số tiền 3.600.000đồng là tiền 16 ngày công và số tiền 3.800.000đồng là tiền xăng mà phía nguyên đơn phải đi đến Liên đoàn Lao động Q và Tòa án do Công ty có hành vi chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với nguyên đơn.

Tổng cộng là số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 363.600.000đồng.

2. Buộc Công ty Đ1 cho nguyên đơn từ tháng 12/2014 đến ngày Tòa xét xử và đóng thêm 05 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động, chốt và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn đến ngày xét xử.

Tại Đơn giải trình ngày 10/5/2022 và Đơn ý kiến ngày 19/7/2022, Bị đơn Công ty TNHH Đ do ông Lê Xuân K là người đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty đã đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội vào ngày 31/3/2021 đối với nguyên đơn và có liên hệ lên nhận sổ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Công ty không buộc nguyên đơn nghỉ việc mà chỉ đề nghị nguyên đơn nghỉ việc; khi nguyên đơn không đồng ý với đề nghị này, Công ty đã liên hệ bằng điện thoại để yêu cầu đi làm lại nhưng nguyên đơn đã tự ý bỏ việc. Cụ thể, trong thời gian từ ngày 19/02/2021 đến ngày 19/3/2021, Công ty vẫn hỗ trợ lương đầy đủ và tạo điều kiện cho đi làm lại nhưng nguyên đơn không đồng ý nên Công ty không có lý do gì để thanh toán tiền lương. Công ty xác định nguyên đơn nghỉ việc luôn nên đến ngày 29/11/2021, Công ty vẫn thanh toán chế độ thôi việc đầy đủ. Các ngày nghỉ trong năm Công ty trừ trực tiếp vào lương và trả đủ phép năm cùng lương tháng 13. Theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có nêu rõ phạm vi áp dụng, đối tượng và điều kiện hỗ trợ và Công ty không thuộc khu công nghiệp, khu chế xuất, và khu kinh tế trọng điểm nên sẽ không được hưởng chính sách này, đối tượng và điều kiện hỗ trợ là "Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội" thì hiện tại Công ty đã chốt bảo hiểm vào ngày 31/3/2021 cho nguyên đơn nên cũng không thuộc đối tượng được hỗ trợ.

Tại Bản tự khai ngày 13/8/2022, Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Mai Công M trình bày: Nguyên đơn vào làm việc tại Công ty ngày 12/4/2014. Khoảng thời gian ngày 04/02/2021, nguyên đơn có vi phạm trong quá trình công tác, ông Nguyễn Văn N (là Người quản lý trực tiếp của nguyên đơn) có đề nghị nguyên

đơn nên viết đơn xin nghỉ việc để được hưởng các chính sách của người lao động "tốt hơn" trong trường hợp người lao động bị cho nghỉ việc vì vi phạm lao động nhưng nguyên đơn không đồng ý. Ngày 05/02/2021, nguyên đơn có lên Công ty hỏi Quản lý trực tiếp "Vì sao yêu cầu ông viết đơn xin thôi việc" rồi tự động ra về, không chịu làm việc. Ngày 19/02/2021, Công ty hoạt động trở lại sau kỳ nghỉ Tết và từ ngày 22/02/2021 đến ngày 20/3/2021, Công ty đã liên lạc bằng điện thoại yêu cầu nguyên đơn đến làm việc nhưng không trở lại làm việc mà không có bất kỳ lý do chính đáng nào, nhưng Công ty vẫn trả lương đầy đủ. Do nguyên đơn đã tự ý nghỉ việc không có lý do gần 30 ngày nên Công ty buộc phải chốt sổ bảo hiểm xã hội đến tháng 3/2021. Đầu tháng 4/2021, Công ty đã liên hệ nhưng nguyên đơn vẫn không đến nhận. Ngày 29/11/2021, Công ty chuyển tiền chế độ nghỉ việc cho nguyên đơn với số tiền 14.689.000đồng, trong đó gồm tiền trợ cấp thôi việc và tiền phép năm 2021. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về yêu cầu hỗ trợ chi phí bệnh viện liên quan đến bệnh tật thì năm 2014 khi vào làm tại Công ty thì nguyên đơn không đưa ra Giấy xác nhận khuyết tật cho người tuyển dụng của Công ty, Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam cung cấp năm 2013 có đúng không, không Công ty nào lại tuyển dụng một người lao động có dạng khuyết tật "Thần kinh, tâm thần" ở mức độ khuyết tật "Nặng" vào làm việc tại Công ty; Về chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 12/11/2014 đến ngày 01/10/2016 thì người tuyển dụng nhận thấy nguyên đơn chưa bảo đảm được yêu cầu công việc nên đề nghị ký Hợp đồng thời vụ, hai bên đồng ý mức lương nên Công ty chi trả chính sách lương theo thời vụ và không đóng bảo hiểm; Về chế độ bảo hiểm cho thời gian từ tháng 4/2021 đến khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn đã tự động bỏ việc gần 30 ngày từ 19/02/2021 đến ngày 20/3/2021 nghĩa là tự động chấm dứt Hợp đồng lao động nên Công ty không có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội; Về lương từ khoảng thời gian tháng 4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và các khoản tiền bồi thường thì từ tháng 4/2021, nguyên đơn không còn là nhân viên của Công ty nên Công ty không có trách nhiệm thanh toán lương và đền bù tất cả các khoản tiền nào; Về khoản tiền lương được hưởng khi không nghỉ phép năm tại Công ty thì nghỉ phép năm là Quyền lợi của Người lao động do luật pháp quy định, Người sử dụng lao động không có quyền vi phạm chế độ này nên Công ty không yêu cầu nguyên đơn phải làm việc trong những ngày nghỉ phép, là do nguyên đơn tự nguyện; Về khoản hỗ trợ chi phí nhà trọ trong mùa dịch thì Công ty không thuộc đối tượng được hưởng chế độ theo quy định của Nhà nước vì vậy Công ty không đồng ý hỗ trợ chi phí này.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 4415/2022/LĐ-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, quyết định:

- Áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 68, điểm b khoản 1 Điều 91, Điều 92, Điều 186, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 22, Điều 23, Điều 24 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1, khoản 3 Điều 113, Điều 114 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội 2006; khoản 2 Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc A về việc buộc Công ty TNHH Đ trả cho ông Trần Ngọc A các khoản tiền sau: Tiền lương tính từ tháng 4/2021 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/12/2022 và 05 (năm) tháng tiền lương do ông Trần Ngọc A không đồng ý quay trở lại làm việc tại Công ty TNHH Đ là 243.600.000đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng); Đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông Trần Ngọc A theo quy định pháp luật bảo hiểm tại Cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền tính từ tháng 4/2021 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/12/2022 và đóng thêm 05 tháng bảo hiểm xã hội kể từ ngày tuyên án; Tiền hỗ trợ 03 (ba) tháng thuê nhà tính từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021 là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Tiền thưởng tết năm 2021 là 6.700.000đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và năm 2022 là 6.700.000đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng); Tiền 16 ngày công là 3.600.000đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng); Tiền xăng là 3.800.000đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng); Tiền các ngày nghỉ lễ, tết tính từ ngày 14/11/2014 đến ngày xét xử xong vụ án, tính đến ngày 08/12/2022 là 82.000.000đồng (T3 mươi hai triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc A: Buộc Công ty TNHH Đ trả cho ông Trần Ngọc A sổ bảo hiểm xã hội có số 7916407289; Buộc Công ty TNHH Đ trả cho ông Trần Ngọc A số tiền của những ngày nghỉ phép nhưng không nghỉ của năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019 là 15.210.000đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng); Buộc Công ty TNHH Đ và ông Trần Ngọc A có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Trần Ngọc A với mức tiền đóng là 3.800.000đồng/tháng kể từ ngày 14/11/2014 đến hết tháng 9/2016 theo quy định pháp luật tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

Việc giao trả sổ bảo hiểm xã hội, thanh toán tiền do ông Trần Ngọc A và Công ty TNHH Đ2 thực hiện hoặc được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền Thi hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thị hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được

thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Trần Ngọc A được miễn án phí. Công ty TNHH Đ phải chịu án phi là 756.300đồng (Bảy trăm năm mươi sáu nghìn, ba trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 13/12/2022, nguyên đơn ông Trần Ngọc A kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể kháng cáo toàn bộ Mục 1 phần Quyết định của bản án. Căn cứ cho yêu cầu kháng cáo là vào ngày 02/02/2021, sau khi đã được ông Nguyễn Văn N là người quản lý trực tiếp yêu cầu đi về làm đơn xin nghỉ việc để hưởng trợ cấp tốt hơn. Đến ngày 05/02/2021, nguyên đơn có quay lại để hỏi lý do tại sao cho nguyên đơn nghỉ việc nhưng ông N vẫn đề nghị làm đơn xin nghỉ việc mà không nói lý do. Ngày 06/02/2021, nguyên đơn nộp đơn khiếu nại gửi cho Liên đoàn lao động Q, nhưng Công ty cũng không đến để giải quyết, thì làm sao có việc Công ty gọi nguyên đơn trở lại làm việc. Nay yêu cầu chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn xác định Công ty cho nguyên đơn nghỉ việc trái pháp luật, đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 08/12/2022 là ngày xét xử sơ thẩm. Mức lương để yêu cầu giải quyết bồi thường do đơn phương trái pháp luật là 6.200.000đồng. Đối với Mục 2 phần Quyết định của bản án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mức tiền đóng là cao hơn 3.800.000đồng/tháng kể từ ngày 14/11/2014 đến hết tháng 9/2016, nhưng không đưa ra lý do, mức tiền cao hơn là bao nhiêu.

Đại diện bị đơn xác định có nhận được thư mời của Liên đoàn lao động Q do khiếu nại của nguyên đơn, nhưng do thư mời nhận sau ngày hẹn nên không đến tham gia được. Công ty xác nhận ông Nguyễn Văn N là người trực tiếp quản lý nguyên đơn, nhưng Công ty chỉ đề nghị nguyên đơn nghỉ việc mà không buộc như trình bày của nguyên đơn. Việc Công ty gọi điện thoại cho nguyên đơn để yêu cầu đi làm không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Bị đơn không kháng cáo bản án và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại Tòa án phúc thẩm, đủ cơ sở xác định Công ty đơn phương trái pháp luật, đề nghị sửa án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức. Nguyên đơn thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu xác định Công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật và giải quyết hậu quả của việc đơn phương trái pháp luật, trong đó bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động đến ngày 08/12/2022 xét xử sơ thẩm vì nguyên đơn đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động do Công ty không muốn nguyên đơn quay về làm việc nên phải bồi thường 05 tháng tiền lương. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn với lý do chỉ đề nghị nguyên đơn nghỉ việc. Do đó, vấn đề Hội đồng xét xử phúc thẩm đặt ra là xác định lý do ngày 02/02/2021 nguyên đơn không tiếp tục làm việc tại Công ty làm căn cứ cho việc giải quyết yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Xác định lý do nguyên đơn không tiếp tục làm việc tại Công ty:

[3.1] Căn cứ Bản tự khai ngày 13/8/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: *Khoảng thời gian ngày 04/02/2021, nguyên đơn có vi phạm trong quá trình công tác, ông Nguyễn Văn N (là người quản lý trực tiếp của nguyên đơn) có đề nghị nguyên đơn nên viết đơn xin nghỉ việc để hưởng được các chính sách của người lao động "tốt hơn" trong trường hợp người lao động bị cho nghỉ việc vì vi phạm lao động. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý. Ngày 05/02/2021, nguyên đơn có đến Công ty hỏi người quản lý trực tiếp (ông Nguyễn Văn N) "Vì sao yêu cầu ông viết đơn xin thôi việc?" rồi nguyên đơn tự động ra về không chịu làm việc*.

[3.2] Căn cứ Đơn giải trình của giám đốc Công ty đề ngày 10/5/2022 gửi Tòa án có nội dung: "*Công ty không buộc nguyên đơn nghỉ việc mà chỉ đề nghị. Khi nguyên đơn không đồng ý với đề nghị của Công ty thì Công ty cũng liên hệ bằng điện thoại để*

yêu cầu đi làm lại nhưng nguyên đơn tự ý bỏ việc". Phù hợp với trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa cũng đề thừa nhận có đề nghị nguyên đơn nghỉ việc.

[3.3] Đối với trình bày của Công ty nêu có liên lạc bằng điện thoại với nguyên đơn yêu cầu quay lại làm việc, nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Công ty cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, đồng thời mâu thuẫn với trình bày của Công ty tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận có nhận giấy mời giải quyết tranh chấp lao động của Liên đoàn lao động Q, nhưng không có mặt với lý do giấy nhận sau ngày mời, nhưng cũng không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Để cho thấy, ngay sau khi nghỉ việc thì nguyên đơn đã có khiếu nại không đồng ý, nhưng Công ty không hợp tác giải quyết.

[3.4] Căn cứ trình bày của nguyên đơn có trong hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện ngày 02/02/2021 ông Nguyễn Văn N là người trực tiếp quản lý, phân công công việc hàng ngày, có đề nghị nguyên đơn làm đơn xin nghỉ việc và đi về nhà mà Công ty vẫn tiếp tục trả lương. Ngày 05/02/2021, nguyên đơn tiếp tục quay lại Công ty gặp ông N để hỏi lý do tại sao yêu cầu nguyên đơn phải làm đơn xin nghỉ việc, nhưng không được giải quyết. Nguyên đơn nêu biết giám đốc Công ty, nhưng không bao giờ được tiếp xúc và làm việc trực tiếp, mọi việc đều do ông Nguyễn Văn N sắp xếp phân công. Phù hợp với trình bày của người đại diện của Công ty tại phiên Tòa phúc thẩm xác định ông Nguyễn Văn N là người trực tiếp quản lý nguyên đơn.

[3.5] Từ những căn cứ nêu trên cần xác định, Công ty thừa nhận có đề nghị nguyên đơn làm đơn nghỉ việc, đồng thời người quản lý trực tiếp đã yêu cầu nguyên đơn không phải làm việc mà đi về nhà, nhưng sau đó có điện thoại yêu cầu nguyên đơn quay lại làm việc nhưng không đưa ra được bằng chứng để chứng minh, không được nguyên đơn thừa nhận, mâu thuẫn với việc không hợp tác giải quyết khiếu nại của nguyên đơn tại Liên đoàn lao động Q. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn nghỉ việc do ông Nguyễn Văn N thông báo là người không có thẩm quyền, Công ty nhiều lần mời quay lại làm việc nhưng nguyên đơn không đồng ý là tự ý nghỉ việc để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Cần xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về phần này, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Lao động năm 2019.

[4] Do ngày 02/02/2021, nguyên đơn được đề nghị đi về nhà làm đơn xin nghỉ việc như nhận định nêu trên. Công ty xác định đã chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lương cho nguyên đơn đến hết ngày 31/3/2021 mặc dù không ban hành văn bản chấm dứt hợp đồng lao động. Cần xác định ngày nguyên đơn làm việc cuối cùng vào ngày 02/02/2021, nhưng Hợp đồng lao động được chấm dứt vào ngày 31/3/2021.

[5] Nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019.

[5.1] Tiền lương làm căn cứ giải quyết: Xét thấy hai bên không cung cấp Hợp đồng lao động; căn cứ bảng kê tài khoản của nguyên đơn thì các khoản lương hàng tháng không thống nhất, cụ thể lương tháng 11/2020 là 8.401.000đồng (Tám triệu, bốn trăm lẻ một nghìn đồng); lương tháng 12/2020 là 9.269.000đồng (Chín triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng); lương tháng 01/2021 là 8.239.000đồng (Tám triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng). Bị đơn nêu tiền lương theo thỏa thuận hợp đồng lao động là tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, các khoản còn lại là lương làm thêm theo năng suất lao động, chất lượng công việc và các khoản phụ cấp khác. Nhưng không cung cấp được Hợp đồng lao động, không đưa được căn cứ chứng minh thỏa thuận hình thức trả lương theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Lao động năm 2019. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lương bồi thường là 6.200.000đồng (Sáu triệu, hai trăm nghìn đồng) là có lợi cho bị đơn cần được ghi nhận. Do đó cần xác định mức lương 6.200.000đồng làm căn cứ để giải quyết cho yêu cầu của nguyên đơn.

[5.2] Xét yêu cầu trả lương trong những ngày không được làm việc: Căn cứ thừa nhận của các bên đương sự thì hai bên xác lập hợp đồng lao động từ tháng 4/2014 đến ngày 02/2/2021 là đủ cơ sở xác định Hợp động lao động các bên giao kết đã chuyển sang loại Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Nguyên đơn không quay lại làm việc kể từ ngày 08/12/2022 là tự nguyện. Do đó, cần buộc nguyên đơn trả lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/4/2021 (ngày chấm dứt hợp đồng lao động) đến hết ngày 08/12/2022 là 19 tháng 8 ngày, là [6.200.000 x 19 (tháng)] + [6.200.000: 31 (ngày)] x 8 (ngày) = 117.800.000 + 1.600.000 = 119.400.000đồng (Một trăm mười chín triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[5.3] Phải bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương trái pháp luật trên mức lương 6.200.000đồng là 12.400.000đồng (Mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[5.4] Về thời hạn báo trước, do xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, nguyên đơn xác nhận được thông báo bằng lời nói "đề nghị về làm đơn xin thôi việc để được hưởng quyền lợi tốt nhất, đồng thời yêu cầu về nhà mà vẫn được hưởng lương" vào ngày 02/02/2021, sau đó đến ngày 31/3/2021 Công ty chốt sổ không trả lương là hơn 45 ngày. Bị đơn thừa nhận có đề nghị nguyên đơn làm đơn xin thôi việc. Mặc dù có vi phạm về hình thức là phải thông báo bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Bộ luật Lao động năm 2019, nhưng trong quá trình giao kết quan hệ lao động hai bên không ký hợp đồng lao động, việc chấm dứt hợp đồng lao động không có văn bản, nghĩa là quan hệ lao động giữa hai bên không có bất cứ giao kết nào bằng văn bản. Mặt khác, việc đơn phương chấm đứt Hợp đồng lao động trái pháp luật quy định tại Điều 39 Bộ luật Lao động năm 2019 không căn cứ Điều 45 Bộ luật lao động năm 2019. Do đó, xác định bị đơn đã thông báo trước ít nhất 45 ngày theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019. Vì

vậy, cần xác định bị đơn đã thông báo trước cho nguyên đơn đảm bảo ít nhất 45 ngày theo quy định.

[5.5] Buộc bị đơn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo tỷ lệ được quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn trong những ngày nguyên đơn không được làm việc do bị đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 01/4/2021 đến hết ngày 08/12/2022 với mức lương 6.200.000đồng/tháng.

[5.5] Trợ cấp thôi việc: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu về việc buộc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tính từ tháng 11/2014 đến hết tháng 11/2022. Do đó, bị đơn không phải trả trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019.

[5.6] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng đơn phương đúng pháp luật, cần được hiểu là đồng thời không đồng ý nhận người lao động trở lại làm việc và nguyên đơn đồng ý không quay lại làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 08/12/2022, với yêu cầu phải bồi thường 05 tháng tiền lương. Hội đồng xét xử xét thấy, do hai bên không thỏa thuận được nên chỉ chấp nhận buộc bị đơn bồi thường thêm cho nguyên đơn 02 tháng tiền lương để chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 08/12/2022. Với số tiền là 6.200.000đồng x 2 = 12.400.000đồng (Mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[5.7] Từ những căn cứ nêu trên, tổng số tiền bị đơn buộc phải bồi thường cho nguyên đơn là: 119.400.000đồng + 12.400.000đồng + 12.400.000đồng = 144.200.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm nghìn đồng).

[6] Xét các yêu cầu: Đóng thêm 05 (năm) tháng bảo hiểm xã hội kể từ ngày tuyên án; Tiền hỗ trợ 03 (ba) tháng thuê nhà tính từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2021 là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Tiền thưởng tết năm 2021 là 6.700.000đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và năm 2022 là 6.700.000đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng); Tiền 16 ngày công là 3.600.000đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng); Tiền xăng là 3.800.000đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng); Tiền các ngày nghỉ lễ, tết tính từ ngày 14/11/2014 đến ngày xét xử xong vụ án, tính đến ngày 08/12/2022 là 82.000.000đồng (Tám mươi hai triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu này là có căn cứ do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý đối với mức lương 3.800.000đồng/tháng để đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 14/11/2014 đến hết tháng 9/2016. Tuy nhiên nguyên đơn không đưa ra được căn cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Cần giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cần được giữ nguyên.

[9] Án phí lao động: Do sửa án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường của bị đơn. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là (144.200.000đồng + 15.210.000đồng) x 3% = 4.782.300đồng (Bốn triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39, Điều 41, khoản 2 Điều 46 Bộ Luật lao động năm 2019;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí; Nghị quyếtsố 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 4415/2022/LĐ-ST ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc A, tuyên bố Công ty TNHH Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngày 30/3/2021 là trái pháp luật đối với ông Trần Ngọc A.

1.1 Buộc Công ty TNHH Đ phải có nghĩa vụ đối với ông Trần Ngọc A như sau:

- Bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương do đơn phương trái pháp luật là 12.400.000đồng (Mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng);

- Trả lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/4/2021 đến ngày 08/12/2022, với số tiền 119.400.000đồng (Một trăm mười chín triệu, bốn trăm nghìn đồng).

- Ghi nhận Công ty TNHH Đ đã thanh toán thời hạn báo trước từ ngày 02/02/2021 đến 31/3/2021 là 57 ngày.

- Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn theo quy định.

- Bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương do Công ty không nhận người lao động tiếp tục làm việc và người lao động đồng ý với số tiền 12.400.000đồng (Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Ghi nhận Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ và ông Trần Ngọc A chấm dứt kể từ ngày 08/12/2022.

Tổng số tiền Công ty TNHH Đ phải trả cho ông Trần Ngọc A do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 144.200.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm nghìn đồng).

Buộc Công ty TNHH Đ và ông Trần Ngọc A có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Trần Ngọc A với mức tiền đóng là 6.200.000đồng/tháng kể từ ngày 02/02/2021 đến hết ngày 08/12/2022 theo quy định pháp luật tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các khoản sau: Đóng thêm 05 tháng bảo hiểm xã hội kể từ ngày tuyên án; Tiền hỗ trợ 03 (ba) tháng thuê nhà tính từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2021 là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Tiền thưởng tết năm 2021 là 6.700.000đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) và năm 2022 là 6.700.000đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng); Tiền 16 ngày công là 3.600.000đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng); Tiền xăng là 3.800.000đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng); Tiền các ngày nghỉ lễ, tết tính từ ngày 14/11/2014 đến ngày xét xử xong vụ án, tính đến ngày 08/12/2022 là 82.000.000đồng (Tám mươi hai triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc A: Buộc Công ty TNHH Đ trả cho ông Trần Ngọc A Sổ bảo hiểm xã hội có số 7916407289; Buộc Công ty TNHH Đ trả cho ông Trần Ngọc A số tiền của những ngày nghỉ phép nhưng không nghỉ của năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019 là 15.210.000đồng (Mười lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng); Buộc Công ty TNHH Đ và ông Trần Ngọc A có nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Trần Ngọc A với mức tiền đóng là 3.800.000đồng/tháng kể từ ngày 14/11/2014 đến hết tháng 9/2016 theo quy định pháp luật tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

3. Việc giao trả sổ bảo hiểm xã hội, thanh toán tiền bồi thường do ông Trần Ngọc A và Công ty TNHH Đ thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức hoặc tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thị hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Trần Ngọc A được miễn án phí. Công ty TNHH Đ phải chịu án phi là 4.782.300 đồng (Bốn triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn,

ba trăm đồng). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Kim Anh